

Số: /QĐ-UBND

Hà Trung, ngày tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hà Bắc, huyện Hà Trung,
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045; Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hà Trung;

Căn cứ Công văn số 2363/UBND-KTHT ngày 02/11/2020 của UBND huyện Hà Trung về việc lập Quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2021 của UBND huyện Hà Trung Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát, lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hà Bắc Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

Căn cứ Công văn số 8582/SXD-QH ngày 17/11/2021 của Sở Xây dựng Thanh Hoá về đề án Quy hoạch chung xây dựng 03 xã: Hà Bắc, Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

Xét đề nghị của UBND xã Hà Bắc và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 513/TĐ-KTHT ngày 17/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với những nội dung sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

+ Vị trí: Khu vực lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hà Bắc, huyện Hà Trung.

+ Phạm vi ranh giới cụ thể của xã được xác định:

Phía Đông giáp phường Ngọc Trạo, xã Quang Trung thị xã Bỉm Sơn và xã Yên Dương huyện Hà Trung;

Phía Nam giáp xã Yên Dương, xã Hà Tân, huyện Hà Trung;

Phía Tây giáp xã Hà Giang, xã Hà Long huyện Hà Trung;

Phía Bắc giáp xã Hà Long huyện Hà Trung.

+ Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 815,53 ha (*Kết quả kiểm kê đất đai năm 2020*).

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch vùng Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 26/01/2021, làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã; Là cơ sở để lập các dự án, các chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đối với các điểm dân cư nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp, thủy sản, khu du lịch...

- Rà soát các công trình, các dự án, các nguồn lực thực hiện, các tiêu chí quy hoạch nông thôn trong các đồ án quy hoạch xây dựng có liên quan giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn xã, từ đó điều chỉnh, bổ sung quy hoạch trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021 - 2030 (phân kỳ 2021-2025 và 2026-2030).

- Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng hạ tầng xã hội, quỹ đất xây dựng các công trình sản xuất và các quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2.2. Tính chất, chức năng của xã

Xã Hà Bắc nằm trong vùng lõi sông Hoạt, sông Tống Giang: Vùng hạn chế xây dựng, thuộc vùng có khả năng thích ứng với điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu. Phát triển nền nông nghiệp quy mô lớn, giá trị tăng cao là nền tảng bao gồm: Vùng trồng lúa chất lượng cao, vùng chuyên canh rau màu, trang trại tập trung, các

mô hình chăn nuôi, thủy sản được áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại. Bên cạnh đó với quỹ đất hiện có xã có tiềm năng để phát triển cây trồng đặc sản. Với sự đầu tư phát triển về nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật là tiềm năng để phát triển du lịch nông nghiệp, trải nghiệm các hoạt động sản xuất nông nghiệp trong các khu trang trại tập trung.

3. Quy mô dân số, lao động và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

- Hiện trạng năm 2020: Dân số toàn xã có 6.044 người, lao động 3.751 lao động.

- Đến năm 2025: Dân số toàn xã 7.452 người, lao động là 4.626 lao động.

- Đến năm 2030: Dân số toàn xã 10.054 người, lao động là 6.364 lao động.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật trong đề án quy hoạch chung xây dựng xã thực hiện theo Điều 18, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Điều 8, Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/7/2017 của Bộ Xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021; QCVN 07:2016/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật"; Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu cho các điểm dân cư nông thôn nhưng không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện như sau:

+ Đất xây dựng công trình nhà ở: 25 m²/người.

+ Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ: 5 m²/người.

+ Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 5 m²/người.

+ Cây xanh công cộng: 2 m²/người.

- Quy định về quy mô tối thiểu các công trình công cộng, dịch vụ, kỹ thuật:

Bảng 1. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã	- Tổng diện tích đất: $\geq 1.000 \text{ m}^2$. - Định mức diện tích đất sử dụng mỗi trụ sở: $\leq 400 \text{ m}^2$.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng
2	Giao thông	- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện: Mặt đường $\geq 4,5 \text{ m}$, nền đường $\geq 6,5 \text{ m}$, mặt đường bê tông hóa hoặc nhựa hóa. - Đường trục thôn và đường liên thôn: Được cứng hóa, mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, nền đường $\geq 4,0\text{m}$. - Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội	Quyết định 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
		vào mùa mưa: Mặt đường $\geq 3,0$ m, nền đường $\geq 4,0$ m (trường hợp bất khả kháng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m); Với đường dân sinh chủ yếu phục vụ đi lại của người dân giữa các cụm dân cư và các hộ gia đình không có ô tô chạy nền đường tối thiểu 2,0m, mặt đường tối thiểu 1,5m. - Đường trục chính nội đồng: Mặt đường $\geq 3,0$ m, nền đường $\geq 4,0$ m.	
3	Cấp điện	- Tỷ lệ số hộ dùng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: $\geq 95\%$. - Chỉ tiêu cấp điện (giai đoạn dài hạn): + Điện năng: ≥ 200 kWh/người/năm. + Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng: $\geq 15\%$ nhu cầu sinh hoạt của xã hoặc cụm xã. + Phụ tải: ≥ 150 W/người.	Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương
4	Trường, điểm trường mầm non	- Bán kính phục vụ: ≤ 1 km. - Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 50 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: ≥ 12 m ² /chỗ.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng
5	Trường, điểm trường tiểu học tiểu học	- Bán kính phục vụ: ≤ 1 km. - Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 65 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: ≥ 10 m ² /chỗ.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng
6	Trường THCS	- Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 55 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: ≥ 10 m ² /chỗ.	
7	Trạm y tế	- Không có vườn thuốc: Diện tích đất 500 m ² /trạm. - Có vườn thuốc: Diện tích đất 1.000 m ² /trạm.	
8	Văn hóa, thể thao công cộng (Các hạng mục văn hóa, thể thao công cộng phải kết hợp trong cùng nhóm công trình để đảm bảo sử dụng khai thác hiệu quả)	- Nhà văn hóa 1.000 m ² /công trình. - Phòng truyền thống 200 m ² /công trình. - Thư viện 200 m ² /công trình. - Hội trường 100 chỗ/công trình. - Cụm công trình, sân bãi thể thao 5.000 m ² /cụm.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng
9	Chợ, cửa hàng dịch vụ	- 01 chợ/ xã với diện tích 1.500 m ² .	Thông tư số

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
	(Tùy theo đặc điểm địa phương có thể bố trí cho xã hoặc liên xã)	- 01 công trình/khu trung tâm 300 m ² .	01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng
10	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	01 điểm/xã với diện tích 150 m ² /điểm.	
11	Cấp nước	- Nước cấp cho sinh hoạt: trường hợp cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu 60 lít/người/ngày đêm; trường hợp cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng đảm bảo tối thiểu 40lít/người/ngày đêm. - Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình $\geq 8\%$ lượng nước cấp cho sinh hoạt.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng
12	Nghĩa trang	Diện tích nghĩa trang tập trung 0,04 ha/1.000 người.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng
13	Thoát nước thải	Tối thiểu phải thu gom đạt 80% lượng nước thải phát sinh để xử lý	
14	Thủy lợi	Kênh mương, cống	TCVN 4118:2012 công trình thủy lợi - hệ thống tưới tiêu - yêu cầu thiết kế

4. Phân khu chức năng

4.1. Quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn, xóm

Căn cứ vào tình hình phát triển dân số; hiện trạng không gian thôn và những dự báo về phát triển dân số trong giai đoạn tới; định hướng về phát triển không gian thôn quy hoạch đất ở mới đáp ứng nhu cầu về đất ở cho nhân dân trong giai đoạn tới.

Bảng 2. Quy hoạch đất ở đến năm 2030

STT	Khu dân cư	Thôn	Diện tích QH (ha)
1	Điểm dân cư 24 cũ đi công Sư đoàn 390	Bắc Sơn	0,90
2	Khu dân cư đồng Niềng, thôn Bắc Sơn	Bắc Sơn	11,56
3	Điểm dân cư khu Mạ đồng Thong, thôn Đà Sơn	Đà Sơn	0,68
4	Khu dân cư Mạ Bái, thôn Trạng Sơn	Trạng Sơn	1,22
5	Điểm dân cư đồng Xú, thôn Trạng Sơn	Trạng Sơn	0,17
6	Điểm dân cư Mạ Xú, thôn Song Nga	Song Nga	0,85

STT	Khu dân cư	Thôn	Diện tích QH (ha)
7	Điểm dân cư khu Kho Đạn	Đà Sơn	0,24
8	Khu dân cư Đồng Xú Dưới thôn Trạng Sơn	Trạng Sơn	3,5
	Tổng cộng		19,12

- Bố trí quỹ đất xây dựng khu dân cư mới đến năm 2025 với tổng diện tích 14,53 ha; Giai đoạn 2026 - 2030 diện tích tăng thêm khoảng 4,59 ha; Mật độ xây dựng $\leq 80\%$.

4.2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội khu trung tâm

Khu trung tâm xã được bố trí dọc trục đường xã từ cầu Bắc Yên đi Quốc lộ 217B và đường quy hoạch mới từ khu trung tâm đi quốc lộ 217B. Toàn bộ khu trung tâm xã có diện tích của thôn Trạng Sơn.

Hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội khu trung tâm được bố trí phục vụ nhu cầu của khu trung tâm và của toàn xã. Về cấu trúc thành phần không gian của khu vực trung tâm bao gồm các công trình như sau:

Bảng 3. Quy hoạch các công trình khu trung tâm xã

STT	Công trình	Thôn	Diện tích hiện trạng (m ²)	Diện tích quy hoạch (m ²)	Biến động tăng (+), giảm (-) (m ²)
1	Trụ sở UBND xã	Trạng Sơn	7.313,97	7.313,97	0
2	Bru điện văn hóa xã	Trạng Sơn	172,79	300	127,21
3	Trạm y tế xã Hà Bắc	Trạng Sơn	1.312,16	3.000	1.687,84
4	Công an xã Hà Bắc	Trạng Sơn	0	1.500	1.500
5	Trường mầm non Hà Bắc	Trạng Sơn	1.360,28	6.000	4.639,72
6	Trường tiểu học Hà Bắc	Trạng Sơn	5.313,12	5.313,12	0
7	Trường THCS Hà Bắc	Trạng Sơn	6.234,65	6.234,65	0
8	Hội trường xã Hà Bắc	Trạng Sơn	500	500	0
9	Sân thể thao xã Hà Bắc	Trạng Sơn	13.712,36	12.121,36	1.500
10	Đài tưởng niệm liệt sỹ	Trạng Sơn	1.004,55	1.004,55	0
11	Công viên cây xanh và hoạt động thể thao công cộng	Trạng Sơn	0	10.000	10.000
12	Khu thương mại dịch vụ	Trạng Sơn	0	5.000	5.000

4.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã

a) *Hệ thống đường giao thông*: Nâng cấp và quy hoạch mới tuyến đường khu trung tâm xã từ thôn Trạng Sơn đến Quốc lộ 217B.

b) *Hệ thống cấp điện*

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho khu trung tâm xã lấy từ trạm biến áp tại vị trí khuôn viên UBND xã (thôn Trạng Sơn).

- Lưới điện: Hệ thống lưới điện trong khu trung tâm được thiết kế theo mạng hình tia.

+ Xây dựng đường dây 0,4KV cấp điện từ trạm biến áp tại UBND xã tới các công trình và khu dân cư, khu dân cư mới trong khu trung tâm xã.

+ Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc theo các trục đường trong khu trung tâm.

c) Hệ thống đường cấp nước

- Nguồn nước: Lấy từ nhà máy nước tại xã (thôn Trạng Sơn).

- Hệ thống đường ống cấp nước: Được thiết kế đi theo trục đường giao thông đến các công trình và các hộ gia đình.

d) Hệ thống đường thoát nước và vệ sinh môi trường

- Xử lý nước thải ngay tại chỗ, với các công trình bể tự thấm hoặc sau khi xử lý sơ bộ có thể xả vào hệ thống thoát nước chung của khu trung tâm.

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt riêng bằng hệ thống thoát nước ngầm dọc theo tuyến đường giao thông khu trung tâm.

- Bố trí các thùng đựng rác công cộng, rác thải được thu gom thường xuyên và được phân loại ngay từ hộ gia đình.

5. Định hướng tổ chức không gian xã

5.1. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ

a) Công sở xã

- Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn Trạng Sơn.

- Diện tích: 7313,97 m².

- Đầu tư bổ sung trang thiết bị làm việc cho các phòng, ban.

- Thiết kế hệ thống cây xanh trong khu khuôn viên công sở xã.

b) Công trình an ninh

- Vị trí: Quy hoạch mới công an xã lấy 01 phần đất sân thể thao xã tại thôn Trạng Sơn.

- Diện tích: 1.500 m².

- Xây mới công trình.

c) Bưu điện văn hóa xã

- Vị trí: Quy hoạch mới khu trung tâm xã.

- Diện tích: 300 m².

- Xây mới công trình.

- Đầu tư trang thiết bị làm việc cho bưu điện văn hóa xã.

d) Công trình giáo dục

* Trường mầm non Hà Bắc

- Vị trí: Quy hoạch mới tại khu trung tâm xã thôn Trạng Sơn.

- Diện tích: 6.000 m².

- Xây mới công trình.

- Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

- * Trường tiểu học Hà Bắc
 - Vị trí: Giữ nguyên hiện trạng tại thôn Trạng Sơn.
 - Diện tích đất sử dụng: 5.313,12 m².
 - Công trình xây dựng:
 - + Xây mới 05 phòng học, 06 phòng chức năng.
 - + Xây mới nhà đa năng.
 - + Nâng cấp sân chơi, sân tập thể thao, tường bao, cổng, nhà để xe.
 - Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập, chỉnh trang khuôn viên cây xanh trường học.
- * Trường Trung học cơ sở Hà Bắc
 - Vị trí: Giữ nguyên hiện trạng thôn Trạng Sơn.
 - Diện tích đất sử dụng: 6.234,65 m².
 - Công trình xây dựng:
 - + Xây mới nhà đa năng.
 - + Nâng cấp sân chơi, sân thể thao, nhà để xe.
 - Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập, chỉnh trang khuôn viên cây xanh trường học.
- e) Trạm y tế xã
 - Vị trí: Quy hoạch mới tại khu trung tâm xã thôn Trạng Sơn.
 - Diện tích: 3.000 m².
 - Xây mới công trình.
 - Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.
- f) Đài tưởng niệm liệt sỹ
 - Vị trí: Giữ nguyên hiện trạng tại thôn Trạng Sơn:
 - Diện tích: 1.004,55 m².
 - Nâng cấp, tu sửa công trình thường xuyên.
- g) Công trình văn hóa - thể thao
 - * Hội trường xã
 - Giữ nguyên vị trí hiện trạng trong khuôn viên công sở xã.
 - Diện tích xây dựng: 500 m².
 - Đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất.
 - * Sân thể thao xã
 - Vị trí: Giữ nguyên hiện trạng tại thôn Trạng Sơn.
 - Diện tích quy hoạch 12.121,36 m².
 - Xây dựng tường bao, cổng, sân bê tông, khán đài kết hợp các khu tập luyện thể thao, bổ sung các thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao.
 - * Nhà văn hóa và sân thể thao thôn
 - Quy hoạch nhà văn hóa và sân thể thao tại các thôn như sau:

Bảng 4. Quy hoạch xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao thôn

STT	Thôn	Hạng mục	Hiện trạng		Quy hoạch	
			Diện tích (m ²)	Nội dung	Diện tích (m ²)	Nội dung
1	Bắc Sơn	Nhà văn hoá	703,01	Nhà cấp 4, chất lượng trung bình.	703,01	Giữ nguyên vị trí. Nâng cấp công trình
		Sân thể thao	0	Không có	2.000	Xây mới công trình
2	Trạng Sơn	Nhà văn hoá	4.638,54	Nhà cấp 4, chất lượng tốt.	4.638,54	Giữ nguyên vị trí.
		Sân thể thao	0	Sử dụng chung với sân nhà văn hoá thôn.	0	Sử dụng sân Nhà văn hoá thôn
3	Đà Sơn	Nhà văn hoá	1.667,87	Nhà cấp 4, chất lượng tốt	1.667,87	Giữ nguyên vị trí.
		Sân thể thao	0	Sử dụng chung với sân nhà văn hoá thôn.	0	Sử dụng sân Nhà văn hoá thôn
4	Song Nga	Nhà văn hoá	0	Sử dụng chung với đình làng	500	Xây mới công trình
		Sân thể thao	0	Sử dụng chung với sân đình làng	2.000	Xây mới công trình

- Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho nhà văn hóa các thôn và các dụng cụ, thiết bị thể dục thể thao cho sân thể thao.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống công trình phụ trợ, khuôn viên nhà văn hóa thôn.

h) Công trình tôn giáo tín ngưỡng

- Định hướng giữ nguyên các công trình tôn giáo, tín ngưỡng tại các thôn về vị trí. Quy hoạch như sau:

Bảng 5. Quy hoạch xây dựng công trình tôn giáo, tín ngưỡng

STT	Công trình	Thôn	Diện tích (m ²)	Quy hoạch	
				Diện tích (m ²)	Nội dung
1	Đình làng Song Nga	Song Nga	1.217,36	1390,15	Mở rộng diện tích 172,79 m ² . Trùng tu, tôn tạo và nâng cấp.
2	Đình Đà Sơn	Song Nga	20,32	1.380,60	Mở rộng diện tích 1.360,28 m ² . Khôi phục và xây mới công trình.

STT	Công trình	Thôn	Diện tích (m ²)	Quy hoạch	
				Diện tích (m ²)	Nội dung
3	Thành hoàng làng Trạng Sơn	Trạng Sơn	142,86	142,86	Trùng tu, tôn tạo và nâng cấp
4	Đền Cửa Khâu	Trạng Sơn	841,32	1.841,32	Mở rộng diện tích 1.000m ² . Trùng tu, tôn tạo và nâng cấp
5	Nhà thờ Phan Nhạc Đại Vương	Song Nga	0	10.200	Xây mới công trình

i) Khu khuôn viên cây xanh

- Vị trí: Khu trung tâm xã tại thôn Trạng Sơn:

- Diện tích: 10.000 m².

- Công trình xây dựng: Xây mới công trình.

- Khu khuôn viên cây xanh không trồng các loại cây có nhựa độc, có hoa quả hấp dẫn ruồi muỗi, cây có gai, cần trồng các loại cây cao, bóng mát và có tác dụng làm sạch không khí. Khu khuôn viên cây xanh có lối đi, hệ thống hạ tầng phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân.

k) Công trình thương mại dịch vụ

Các công trình thương mại - dịch vụ được quy hoạch như sau:

Bảng 6. Quy hoạch công trình thương mại dịch vụ

TT	Hạng mục quy hoạch	Vị trí	Diện tích (ha)
1	Khu Thương mại - dịch vụ tại Xú khu trung tâm xã	Thôn Trạng Sơn	0,5
2	Cửa hàng xăng dầu	Thôn Bắc Sơn	0,3

5.2. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ

a) Đối với khu dân cư hiện trạng

- Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống.

- Diện tích lô đất ở: Từ 150 m²/hộ trở lên.

- Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ làm nghề: Từ 100 m²/hộ trở lên.

- Mật độ xây dựng tối thiểu: 40%.

- Số tầng cao: ≤ 3 tầng.

b) Đối với khu dân cư mới

Bảng 7. Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn mới

TT	Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	25

TT	Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
4	Cây xanh công cộng	2

- Kiến trúc hiện đại, đặc trưng của điểm dân cư nông thôn mới mang dáng dấp của dân cư đô thị mới. Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống.

- Diện tích lô đất ở: Từ 150 m²/hộ trở lên.

- Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ làm nghề: Từ 100 m²/hộ trở lên.

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ

5.3.1. Quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

a) Trồng trọt

- Quy hoạch vùng sản xuất lúa

Với mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, đưa ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiến hành xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Phương án quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp như sau:

Bảng 8. Quy hoạch các vùng sản xuất lúa

ST T	Hạng mục quy hoạch	Thôn	Vị trí	Diện tích (ha)
1	Vùng sản xuất lúa chất lượng cao	Trạng Sơn	Đồng Bờ Đa, Kênh Cạn	14,0
2	Vùng sản xuất lúa chất lượng cao	Song Nga	Đồng Cửa Đình	17,0
3	Vùng lúa - cá	Thôn Song Nga	Đồng Hón Hố Bom	3,0
4	Vùng lúa - cá	Thôn Đà Sơn	Đồng Quan Hón	3,0
5	Vùng lúa - cá	Thôn Đà Sơn	Đồng Quan Nga	7,8
6	Vùng lúa - cá	Thôn Song Nga	Đồng Chóp Nón	5,6

- Quy hoạch vùng rau - màu chuyên canh: Phát triển rau an toàn tập trung theo hình thức cánh đồng lớn, ứng dụng công nghệ cao (nhà kính, nhà lưới) áp dụng quy trình thực hành tốt (VietGAP) tại khu đồng Nénh, thôn Đà Sơn với tổng diện tích: 9,0 ha.

b) Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản

- Duy trì diện tích đất nông nghiệp khác có khả năng phát triển các gia trại, trang trại trồng trọt kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm với diện tích 7,37 ha.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình chăn nuôi mô hình chăn nuôi lợn; gia cầm.

- Duy trì diện tích các ao nuôi trồng thủy sản trong toàn xã với diện tích

khoảng 30 ha kết hợp với với diện tích trồng lúa tại các xứ đồng trũng, trồng lúa cho năng suất thấp chuyển sang mô hình lúa - cá.

c) Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp của xã.

- Trụ sở HTX dịch vụ nông nghiệp được quy hoạch tại vị trí trạm y tế xã, thôn Song Nga sau khi xây dựng mới trạm y tế xã tại khu trung tâm xã, thôn Trạng Sơn với diện tích 1.312,16 m².

5.3.2. Quy hoạch sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ

a) Quy hoạch sản xuất tiểu thủ công nghiệp

Ngành tiểu thủ công nghiệp sẽ được đầu tư và phát triển theo không gian dọc đường Quốc lộ 217B và trong các khu vực sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ đã có và được quy hoạch.

Bảng 9. Quy hoạch các công trình sản xuất kinh doanh

TT	Hạng mục quy hoạch	Thôn	Vị trí	Diện tích (ha)
1	Khu SXKD đồng Niềng	Bắc Sơn	Đồng Niềng	2,2
2	Khu sản xuất kinh doanh khu mạ đồng Thong	Đà Sơn	Khu Mạ đồng Thong	1,62
3	Khu sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Đà Sơn	Hồ Cửa Khâu	3,9
4	Dự án xây dựng hệ thống cấp nước thô Bim Sơn tỉnh Thanh Hóa tại huyện Hà Trung và thị xã Bim Sơn	Song Nga	Đồng Ngang Dưới	0,64

- Tập trung duy trì và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như: cơ khí, xay xát, mộc dân dụng, sản xuất vật liệu xây dựng... chủ động tìm tòi phát triển các ngành nghề mới.

b) Quy hoạch thương mại - dịch vụ

- Tập trung phát triển dọc tuyến đường Quốc lộ 217B và các tuyến đường trục xã, trục thôn bằng các loại hình chủ yếu là buôn bán, kinh doanh của các hộ gia đình.

- Quy hoạch 2 khu dịch vụ tại các khu: đồng Xú thôn Trạng Sơn (khu trung tâm xã) diện tích 0,5 ha và thôn Bắc Sơn trên Quốc lộ 217B diện tích 0,3 ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Diện tích, cơ cấu các loại đất: Tổng diện tích tự nhiên: 815,53 ha.

- Đất nông nghiệp: 527,62 ha.
- Đất xây dựng: 264,10 ha.
- Đất khác: 23,82 ha.

Bảng 10. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020	QH sử dụng đất đến năm 2030
-----	----------------------	---------------------------------	-----------------------------

		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	815,53	100,00	815,53	100,00
1	Đất nông nghiệp	576,23	70,66	527,62	64,70
1.1	Đất trồng lúa	371,80	45,59	355,69	43,61
1.2	Đất trồng trọt khác	156,80	19,23	127,80	15,67
1.3	Đất rừng sản xuất	-	-	10,00	1,23
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	40,26	4,94	27,76	3,40
1.5	Đất nông nghiệp khác	7,37	0,90	6,37	0,78
2	Đất xây dựng	214,92	26,35	264,10	32,38
2.1	Đất ở	42,36	5,19	60,93	7,47
2.2	Đất công cộng	2,18	0,27	3,33	0,41
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,37	0,17	2,22	0,27
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,33	0,04	1,35	0,17
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,56	0,07	4,38	0,54
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	15,29	1,87	18,89	2,32
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,73	0,09	1,53	0,19
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	63,63	7,80	78,65	9,64
2.8.1	Đất giao thông	54,79	6,72	69,19	8,48
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,16	0,02	0,31	0,04
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	8,58	1,05	9,03	1,11
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,10	0,01	0,12	0,01
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	38,78	4,76	42,97	5,27
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	49,69	6,09	49,84	6,11
3	Đất khác	24,38	2,99	23,82	2,92
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	22,32	2,74	21,75	2,67
3.2	Đất chưa sử dụng	2,06	0,25	2,06	0,25

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01-2021 được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Đáp ứng các thông số kỹ thuật về đường giao thông tại Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, được UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành tại quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017 - 2020

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung đến năm 2045;

- Công tác khảo sát thực địa và các số liệu điều tra, thu thập được từ thực địa.

a) Hệ thống đường giao thông theo quy hoạch vùng huyện

- Đường Quốc lộ 217 B tránh khu đô thị Hà Long qua địa bàn xã với chiều dài 2,5 km, quy mô đường cấp III, lộ giới 44,5m.

- Đường tỉnh quy hoạch: Điểm đầu từ ngã 3 Hà Tân qua xã Hà Bắc, điểm cuối xã Hà Long (QL1A). Chiều dài qua xã 2,6 km quy mô đường cấp III đồng bằng, 4 làn xe, lộ giới 34m.

- Đường huyện: Đường Hà Bắc - Thành Tâm. Chiều dài qua xã 3,1 km bắt đầu từ Quốc lộ 217B đi xã Hà Giang. Quy mô đường cấp III, lộ giới 32m.

- Đường từ trung tâm xã Hà Giang - trung tâm xã Hà Bắc - xã Yên Dương (ĐT 523). Tổng chiều dài qua xã 1,6km. Quy mô đường cấp IV đồng bằng, lộ giới 29m.

b) Đường Quốc lộ

- Đường Quốc lộ 217B: Chạy qua thôn Bắc Sơn. Tổng chiều dài đoạn qua địa bàn xã là 1,35 km. quy mô đường cấp III, lộ giới 42m.

c) Đường trục xã

- **Tuyến 1**: Nâng cấp tuyến đường trục xã từ cầu Bắc Yên (thôn Song Nga

- Đường QL217B (đối diện nhà văn hoá thôn Bắc Sơn) chiều dài 3,68 km, tiêu chuẩn kỹ thuật đường như sau:

- Mặt đường rộng: 4,0÷6,0m.

- Nền đường rộng: 5,0÷7,0m.

- Kết cấu: Bê tông.

- Làm mới, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, nước thải.

- **Tuyến 2**: Mở mới tuyến đường và cầu từ trung tâm xã đi Quốc lộ 217B với chiều dài 1.400 m với quy mô đường cấp III đồng bằng, tiêu chuẩn kỹ thuật đường như sau:

- Mặt đường: 18,0÷22,0m.

- Lề đường: 3,0÷5,0m.

- Lộ giới: 32 m.

- Kết cấu: Nhựa.

- Làm mới hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống đèn chiếu sáng, cây xanh.

- **Tuyến 3**: Mở mới tuyến đường kết nối từ khu trung tâm xã (khu Bái Mạ, thôn Trạng Sơn) xã Yên Dương, xây mới cầu Bắc Yên (tại xứ đồng Làn, xã Hà Bắc sang công trạm bơm Yên Dương) chiều dài 1.670 m, tiêu chuẩn kỹ thuật đường như sau.

- Mặt đường: 10,0 m.

- Lộ giới: 29,0 m.

- Kết cấu: Nhựa.

- Làm mới hệ thống thoát nước mưa, nước thải, đèn chiếu sáng khu dân cư.

d) Đường trục thôn

- Mở rộng tuyến đường từ kênh ông Dệt đến cống gốc bàng thôn Trạng Sơn dài 600m, tiêu chuẩn kỹ thuật đường như sau:

- Mặt đường: 3,0÷6,0m.

- Nền đường: 4,0÷8,0m.

- Kết cấu mặt đường: Bê tông.
- Làm mới, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, nước thải.
- Làm mới, mở rộng tuyến đường từ nhà thờ Phan Nhạc Đại Vương đến đê và kết nối với đường huyện: Hà Bắc - Thành Tâm (Điểm đầu: Quốc lộ 217B điểm cuối: ĐT 523) dài 1.100 m; tiêu chuẩn kỹ thuật đường như sau:

- Mặt đường: 10,0m.

- Nền đường: 15,0m.

- Kết cấu mặt đường: Bê tông, nhựa.

- Làm mới hệ thống thoát nước mưa, nước thải.

- Nâng cấp, mở rộng 8 tuyến đường trục thôn với tổng chiều dài 3.643 m, tiêu chuẩn kỹ thuật đường như sau:

- Mặt đường: 3,0÷3,5m;

- Nền đường: 4,0÷7,0m;

- Kết cấu mặt đường: Bê tông.

- Làm mới, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, nước thải.

e) Đường ngõ xóm

- Nâng cấp, mở rộng 9 tuyến đường trục thôn với tổng chiều dài 2.490 m, tiêu chuẩn kỹ thuật đường như sau:

- Mặt đường: 2,5÷5,0m;

- Nền đường: 3,0 ÷ 6,0m;

- Kết cấu mặt đường: Bê tông.

- Làm mới, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, nước thải.

f) Đường nội đồng

- Làm mới và nâng cấp 15 tuyến đường trục chính nội đồng, với tổng chiều dài 10.500m, tiêu chuẩn kỹ thuật đường như sau:

- + Mặt đường: 3,0÷4,0m;

- + Nền đường: 4,0÷5,0m;

- + Kết cấu mặt đường: Cứng hoá.

g) Cầu trên địa bàn xã

- Làm mới cầu Bắc Yên tại thôn Song Nga khi làm mới tuyến đường từ trung tâm xã đi xã Yên Dương (tại xứ đồng Làn, xã Hà Bắc sang công trạm bơm Yên Dương) và cầu trên tuyến đường từ trung tâm xã đi Quốc lộ 217B. Kết cấu bê tông cốt thép.

- Nâng cấp cầu Bắc Yên trên đường trục chính xã tại thôn Song Nga.

7.2. Quy hoạch hệ thống thủy lợi

Phân loại, phân cấp các công trình thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. Đáp ứng thông số kỹ thuật tại Quy chuẩn Quốc gia công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu thiết kế. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4118:2012 công trình thủy lợi - hệ thống tưới tiêu - yêu cầu thiết kế... và các quy

chuẩn, tiêu chuẩn khác quy định về hệ thống thủy lợi.

a) Trạm bơm

- Giữ nguyên vị trí 02 trạm bơm hiện có gồm:
+ Trạm bơm Hà Bắc 1 tại thôn Song Nga: 7.500 m³/h. Nâng cấp, tu sửa định kỳ.

+ Trạm bơm thôn Trạng Sơn: 1.500 m³/h. Nâng cấp, tu sửa định kỳ.

+ Quy hoạch mới trạm bơm tại thôn Đà Sơn khu vực đầu Kỳ Khô với công suất 1.500 m³/h. Được xây dựng nhà trạm bơm kiên cố, hệ thống điện, kênh mương...

b) Quy hoạch kênh mương

- Cứng hoá 15 tuyến kênh mương chính phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân với chiều dài 8.030 m.

- Mở mới và cứng hoá 03 tuyến mương với tổng chiều dài 2.960m có chiều rộng 3m.

c) Đê điều

Nâng cấp, mở rộng đường đê sông Hoạt với tổng chiều dài 3.000 m, tiêu chuẩn kỹ thuật đường như sau:

- Mặt đường: 4,0 ÷ 5,0 m;

- Nền đường: 6,0 ÷ 7,0 m;

- Kết cấu mặt đường: Bê tông.

d) Hồ, đập

- Nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng đập tràn hồ Cửa Khâu.

7.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện

a) Mục tiêu

Xây dựng hệ thống cấp điện theo yêu cầu an toàn của ngành điện, đảm bảo 100% được cấp điện thường xuyên và an toàn từ lưới điện quốc gia.

b) Dự báo phụ tải điện

Tổng nhu cầu sử dụng điện đến năm 2025 của xã Hà Bắc là 1.067,28 KVA và đến năm 2030 là 2.399,89 KVA.

c) Phương án cấp điện

- Nguồn điện: Sử dụng từ trạm biến áp trung gian 35KV.

- Lưới chiếu sáng:

+ Xây dựng mới các tuyến chiếu sáng cho đường trục khu trung tâm xã.

+ Các tuyến chiếu sáng trong khu dân cư có thể kết hợp với tuyến điện 0,4 KV cấp cho sinh hoạt.

- Lưới điện sinh hoạt: Đáp ứng nhu cầu sử dụng điện thường xuyên, an toàn, giai đoạn tới quy hoạch nâng cấp đường dây hạ áp tại các thôn.

- Trạm biến áp: Nâng công suất các trạm biến áp với công suất đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện cho toàn xã.

+ Xây dựng mới trạm biến áp tại khu dân cư mới Đồng Niềng thôn Bắc

Sơn có công suất 350 KVA cùng hệ thống hạ tầng được hạ ngầm phục vụ cho khu dân cư Đồng Niêng.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước sinh hoạt

- Đến năm 2025 đảm bảo cung cấp nước sạch cho 80% người dân và đến năm 2030 đảm bảo 100% người dân được sử dụng nước sạch.

- Nhu cầu sử dụng nước đến năm 2025 là 596,46 m³/ngày đêm, đến năm 2030 là 1.231,57 m³/ngày đêm.

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước từ trạm nước sạch quy hoạch mới tại thôn Trạng Sơn với diện tích 2.500 m².

- Mạng lưới đường ống: Nước sạch sau khi xử lý sẽ được đưa theo các đường ống chính, dọc theo một số đường Quốc lộ 217B, đường trục xã, trục thôn của xã. Các đường ống nhánh nối với đường ống chính theo đường ngõ xóm đến từng hộ gia đình.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải

- Lưu lượng nước thải đến năm 2025 là 411,35 m³/ngày đêm, đến năm 2030 là 739,97 m³/ngày đêm.

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung tại các khu dân cư tập trung. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình: Sau khi thu gom, nước thải được đưa vào bể tự hoại được xây dựng đúng tiêu chuẩn do các gia đình tự xây dựng.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas, để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như bảo đảm vệ sinh khu dân cư.

- Mạng lưới thoát nước: Mạng lưới thoát nước thiết kế theo hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và kết cấu hệ thống thoát nước là kiểu rãnh xây gạch, nắp đan bê tông.

b) Chất thải rắn

- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp.

- Chất thải rắn được công ty vệ sinh môi trường thu gom, phân loại và chở đi xử lý sau khi rác thải được thu gom tại bãi rác của xã. Không quy hoạch bãi rác và tập kết rác thải trên địa bàn xã.

c) Nghĩa trang

Trong giai đoạn quy hoạch, quy hoạch các nghĩa trang như sau:

+ Giữ nguyên các nghĩa trang nhân dân hiện trạng.

+ Quy hoạch nghĩa trang tại khu Bái nước, thôn Song Nga diện tích 0,48 ha.

- Các nghĩa trang, nghĩa địa còn lại tại các thôn có quy mô nhỏ sẽ không sử dụng và tiến tới đóng cửa, xã chỉ còn 2 nghĩa trang chính.

7.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa theo phương pháp tự chảy bằng hệ thống mương hở, mương kín và nắp đan. Hệ thống thoát nước mưa chạy dọc theo đường Quốc lộ, đường trục chính của xã, đường trục thôn và đường ngõ xóm. Nước mưa từ các nguồn đổ về theo hệ thống thoát nước mưa dẫn vào hệ thống kênh tiêu thủy lợi nội đồng chảy ra sông Hoạt, sông Tống Giang.

8. Định hướng bảo vệ môi trường

8.1. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường

- Biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm và sự cố;
- Biện pháp kỹ thuật khống chế ô nhiễm và xử lý chất thải;
- Biện pháp quản lý và quan trắc môi trường.

Các biện pháp giảm thiểu phù hợp với quy mô công trình và nguồn tài chính cho phép của dự án.

Các biện pháp bảo vệ môi trường được thực hiện trong suốt quá trình thiết kế, quy hoạch, trong quá trình thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình kiến trúc và quá trình hoạt động của dự án.

Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường thể hiện qua các giai đoạn sau:

- Giai đoạn thiết kế quy hoạch,
- Giai đoạn thi công xây dựng,
- Giai đoạn vận hành của dự án.

8.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường

a) Quy hoạch giao thông và sử dụng đất

- Thiết kế công ra vào từ dự án tới hệ thống giao thông của khu vực đảm bảo không xảy ra hiện tượng chất ô nhiễm dễ dàng khuếch tán vào môi trường không khí.

- Đường có vỉa hè, hệ thống thu gom nước, mặt nhà cách xa luồng xe chạy.
- Trên vỉa hè trồng cây xanh phù hợp với tính chất và yêu cầu của khu dân cư và đô thị.

- Mặt đường bê tông được rải nhựa, ít phát tán bụi.

- Các hệ thống đường giao thông được quy hoạch phù hợp với diện tích cây xanh, thảm cỏ, hồ nước tạo nên không gian liên hoàn, thoáng mát...

- Quy hoạch phân khu chức năng hợp lý tạo điểm nhấn cho khu dân cư và các khu chức năng khác với không gian mở và thoáng mát.

- Quy hoạch các cây xanh với diện tích phù hợp.

b) Quy hoạch thiết kế nhà

- Tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi của khí hậu nhiệt đới gió mùa với đặc trưng nóng ẩm, mưa nhiều.

- Tránh khuynh hướng thiết kế nhiều mảng kính lớn cho các công trình xây dựng do xuyên sáng của kính cao.

- Kết hợp kiến trúc truyền thống và hiện đại hợp lý.
- Tăng cường cách nhiệt cho mái che vào mùa hè.
- Thiết kế bao che thích hợp.
- Sử dụng các vật liệu xây dựng không làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

- Các công trình kiến trúc, công cộng... cần được quy hoạch và thiết kế theo khuynh hướng thân thiện với thiên nhiên, gắn liền với cây xanh...

c) Các giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường

- Giải pháp xử lý bụi, khí thải:

+ Kiểm soát chặt chẽ việc đảm bảo yêu cầu về môi trường trong quá trình sửa chữa, xây dựng phát sinh.

+ Kiểm soát khả năng phát tán tự nhiên từ bụi đất vào môi trường không khí.

- Giải pháp giảm thiểu tiếng ồn và rung động và ảnh hưởng của chúng tới sức khỏe con người:

+ Nguồn ồn tác động xấu đáng kể nhất trong khu dân cư là từ hoạt động giao thông. Việc phân cấp mạng lưới đường theo chức năng, không bố trí khu ở dọc trên các trục đường chính và với khoảng lùi hợp lý thì những tác động xấu sẽ giảm thiểu.

+ Trong quá trình xây dựng công trình, sử dụng vật liệu và giải pháp về kiến trúc công trình cần phải lưu ý tới tác động này đảm bảo đô thị đúng tính chất sinh thái.

- Giải pháp chống nóng, bảo đảm vi khí hậu công trình.

+ Khi thiết kế xây dựng công trình cần tận dụng tối đa mặt thuận lợi như bố trí hợp lý các cửa mái để thông gió tự nhiên tốt, đồng thời hạn chế mặt bất lợi như bố trí hướng nhà hợp lý.

- Giải pháp xử lý nước thải

+ Nước thải sinh hoạt thải ra cần xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc hoặc bể xử lý hoàn chỉnh để xử lý cục bộ trước khi nhập vào mạng lưới chung của xã.

+ Nước thải thu gom tới trạm xử lý, và được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi chảy vào sông hệ thống thu nước chung của xã - huyện. Kiểm soát chặt chẽ và thực hiện đúng quy trình thì đô thị sẽ giải quyết triệt để được nước thải.

9. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

9.1. Các hạng mục ưu tiên đầu tư

Trên cơ sở hiện trạng của xã cần xác định các danh mục của các dự án ưu tiên cần thực hiện qua các năm để đến năm 2025 và đến năm 2030 xã Hà Bắc đạt các tiêu chí của một xã nông thôn mới như sau:

- Nâng cấp sân thể thao xã.

- Đường giao thông trục chính của xã, trục thôn, ngõ xóm, nội đồng.

- Hệ thống kênh mương, trạm bơm.

- Hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt.

- Xây mới trường mầm non, các phòng học, phòng chức năng, khu nhà hiệu bộ trường tiểu học và THCS.

- Trụ sở công an xã.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp.

9.2. Khái toán kinh phí

a) Tổng hợp vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư xây dựng là 174,629 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: 169.556 tỷ đồng;

- Vốn đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội: 63,5 tỷ đồng.

- Hỗ trợ sản xuất: 4,709 tỷ đồng.
- Xây dựng hoàn thiện hệ thống chính trị: 0,363 tỷ đồng.

b) Phân nguồn vốn đầu tư

- Vốn ngân sách trung ương và địa phương: 142,70 tỷ đồng đồng.
- Vốn tín dụng: 14,57 tỷ đồng.
- Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác: 12,21 tỷ đồng.
- Vốn dân đóng góp: 5,15 tỷ đồng.

10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

10.1. Tiến độ thực hiện

- Năm 2021, đạt xã nông thôn mới và đến năm 2025 đạt xã nông thôn mới nâng cao. Đến năm 2030, phát triển nền kinh tế - xã hội và văn hóa đồng bộ, hiện đại, phát huy truyền thống của xã gắn với hình ảnh của một xã thuần nông phát triển.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường. Xây mới trụ sở công an xã. Xây mới trường mầm non, trạm y tế xã, xây dựng bổ sung công trình cho trường tiểu học và THCS. Xây mới trụ sở hợp tác xã. Xây mới nhà văn hóa, sân thể thao thôn Song Nga. Phát triển sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, sản xuất hàng hóa, có liên kết, hợp tác. Thực hiện bố trí các điểm dân cư mới.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ trên địa bàn xã. Hoàn thiện hệ thống điện, nghĩa trang, các điểm dân cư mới...

10.2. Giải pháp tổ chức thực hiện

- Sau khi Quy hoạch chung xây dựng xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 được phê duyệt, UBND xã Hà Bắc tổ chức công bố và phổ biến phương án quy hoạch cho tất cả các cán bộ, nhân dân trong xã và các nhà đầu tư.

- Tăng cường sự phối hợp giữa UBND huyện và các phòng ban chức năng và các sở, ban ngành của tỉnh có liên quan với UBND xã Hà Bắc để phối hợp trong chỉ đạo, điều hành thực thi quy hoạch.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2030. Triển khai quy hoạch qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Kế hoạch hàng năm phải bám vào các mục tiêu quy hoạch đã đạt được và tiến độ phải thực hiện trong từng thời kỳ.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tổ chức quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch. Vận động, tuyên truyền nhân dân hiểu và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hóa để đạt các tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới nâng cao.

Điều 2. Giao UBND xã Hà Bắc triển khai các công việc sau:

1. Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định; Tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm

2030, xác định mốc giới quy hoạch ngoài thực địa để các cơ quan, đơn vị và nhân dân trong khu vực quy hoạch biết, tham gia bảo vệ mốc giới và giám sát việc xây dựng các công trình theo quy hoạch.

2. Thực hiện công tác quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp & PTNT, Tài chính- Kế hoạch; Chủ tịch UBND xã Hà Bắc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Dũng